

Bản án số: 140/2024/DS-PT

Ngày 12/8/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Cao Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2024/DSPT ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 215/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C1 - Địa chỉ: Số A T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc T Nữ Thị Thu T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh N1 và Bà Trương Quang A - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tổng hợp. (Theo Văn bản ủy quyền số 1143/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 22/09/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C1). (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Lê Trần Anh T2 - Sinh năm: 1981 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt nhưng khi tuyên án vắng mặt).

- *Người giám hộ cho ông Lê Trần Anh T2*: Ông Lê Văn T3 - Sinh năm: 1958 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lê Trần Anh T2*: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Đ. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Văn T3 - Sinh năm: 1958 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Bà Trần Thị L - Sinh năm: 1960 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

3. Ông Lê Trần Anh Đ - Sinh năm: 1991 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, TP .. (Vắng mặt).

4. Ông Lê Trần Anh K - Sinh năm: 1990 - Địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

5. Bà Lê Trần Tuyết T4 - Sinh năm: 1983 - Địa chỉ: Số G K, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Văn T3, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* *Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trương Quang A trình bày:*

Ngày 08/08/2019, Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh N1 đã ký hợp đồng số 0108/2019-HĐCV/NHCT486-LTAT cho ông Lê Trần Anh T2 vay vốn với số tiền : 2.950.000.000 đồng (hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn), cụ thể: Ngày nhận nợ đầu tiên: 09/08/2019. Số tiền cho vay: 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Thời gian cho vay: 240 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên). Mục đích vay: Nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 26 tại Lô E đường N, Phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng. Lãi suất cho vay: Áp

dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng C1. Ngày đến hạn cuối cùng: 09/08/2039.

Do tình hình dịch bệnh covid 19 phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng nên Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn thành phố N1 đã giải quyết cơ cấu các kỳ trả nợ gốc, lãi tháng 09, 10, 11/2021 của ông Lê Trần Anh T2 sang kỳ trả nợ cuối là tháng 09, 10, 11/2022 (có văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số 0108/2019-HĐCV/NHCT486-LTAT-01 ngày 29/09/2021 đính kèm).

Để đảm bảo cho khoản vay ông Lê Trần Anh T2 đã thế chấp cho ngân hàng T6 là: 01 (một) Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (hiện tại và trong tương lai) tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 26 tại Lô E đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng đứng tên Lê Trần Anh T2. Tài sản được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584675 (Số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CTs 58653) do Sở T7 cấp ngày 10/02/2015. Tài sản do ông Lê Trần Anh T2 đứng tên, thông qua Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 0108/2019-HĐBĐ/NHCT486-LTAT ngày 08 tháng 08 năm 2019 được Phòng C2 Thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 08 tháng 08 năm 2019. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08 tháng 08 năm 2019 tại Chi nhánh V đăng ký đất đai tại Quận S.

Trong quá trình ông Lê Trần Anh T2 vay, ông T2 chỉ trả cho ngân hàng được 381.300.000 đồng. Kể từ đó đến nay ông T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tính dụng nói trên. Để thu hồi dứt điểm khoản vay đã quá hạn, Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh N1 đề nghị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng:

Buộc ông Lê Trần Anh T2 phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C1 toàn bộ số tiền nợ gốc cùng số tiền lãi vay trong hạn và lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 15/05/2024) theo Hợp đồng cho vay số 0108/2019-HĐCV/NHCT486-LTAT ngày 08 tháng 08 năm 2019 là: 3.297.866.709 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.568.700.000 đồng. Nợ lãi: 710.765.907 đồng. Lãi quá hạn: 18.400.802 đồng.

Buộc ông Lê Trần Anh T2 phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày Ngân hàng TMCP C1 nộp đơn khởi kiện cho đến khi thi hành án xong theo quy định của Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông Lê Trần Anh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án, tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 0108/2019-HĐBĐ/NHCT486-LTAT ngày 08 tháng 08 năm 2019 được Phòng C2 Thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 08 tháng 08 năm 2019. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08 tháng 08 năm 2019 tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai tại quận S để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trần Anh T2 vắng mặt nên không có bản tự khai, nhưng tại phiên tòa bị đơn ông Lê Trần Anh T2 trình bày:*

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vì ngôi nhà và đất nói trên là của ba mẹ tôi, tôi chỉ đứng tên dùm, việc em gái tôi là Lê Trần Tuyết T4 nhờ tôi ký các giấy chuyển nhượng và việc thế chấp tại Ngân hàng tôi hoàn toàn không biết. Tôi cũng không nhận tiền của bất cứ ai.

** Tại phiên tòa người giám hộ cho bị đơn ông Lê Trần Anh T2 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn T3 vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T5 trình bày:*

Năm 2015, vợ chồng tôi cho con gái Lê Trần Tôn N và chồng Nguyễn Đình S mượn 01 lô đất để làm ăn. Đến năm 2018 vợ chồng con gái tôi trả lại tài sản cho vợ chồng tôi bằng cách mua lại căn nhà và đất tại địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, TP . cho vợ chồng tôi. Tuy nhiên, vợ chồng tôi để cho con gái Lê Trần Tuyết T4 đứng tên trên sổ hồng. Đến tháng 8/2018 thì Lê Trần Tuyết T4 có nói vợ chồng tôi đưa S1 hồng để vay Ngân hàng số tiền: 500.000.000 đồng để mua ô tô. Đến năm 2019, không hiểu vì lý do gì, Lê Trần Tuyết T4 tự ý sang tên sổ hồng cho con trai tôi là Lê Trần Anh T2. Đến hiện nay vợ chồng tôi mới biết là Lê Trần Anh T2 đứng tên vay Ngân hàng TMCP C1 số tiền: 2.950.000.000 đồng. Thực tế thì Lê Trần Anh T2 đứng tên vay Ngân hàng nhưng không nhận tiền mà Lê Trần Tuyết T4 là người đứng ra nhận toàn bộ số tiền trên tại Ngân hàng.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP C1 yêu cầu Tòa án buộc Lê Trần Anh T2 phải trả số tiền là: 3.297.866.709 đồng cả gốc cả lãi thì tôi không đồng ý vì lý do việc Lê Trần Tuyết T4 và Lê Trần Anh T2 vay với Ngân hàng thì tôi hoàn toàn không biết. Tài sản nhà và đất tại địa chỉ: Số I N, tổ E phường N, quận S, TP . là của vợ chồng tôi, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:*

Tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, vì nhà và đất nói trên là của vợ chồng tôi, vợ chồng tôi cho Lê Trần Tuyết T4 mượn, không hiểu vì sao T4 lại chuyển sang tên cho Lê Trần Anh T2, việc Lê Trần Anh T2 thế chấp vay ngân hàng vợ chồng tôi hoàn toàn không biết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần Anh Đ, ông Lê Trần Anh K vắng mặt nên không có ý kiến gì.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Tuyết T4 vắng mặt nên không có bản tự khai, nhưng tại phiên tòa bà T4 trình bày:*

Ngôi nhà và đất nói trên ngày 13/06/2018, tôi nhận chuyển nhượng tài sản từ bà Hồ Thị C, đến ngày 07/08/2019 tôi chuyển nhượng sang ông Lê Trần Anh T2, vì tôi không làm được mục đích vay nên Ngân hàng hướng dẫn tôi chuyển nhượng sang cho em trai là ông Lê Trần Anh T2 để ông T2 có đủ điều kiện làm mục đích vay mua bất động sản. Nhà của tôi sang tên cho ông T2 nên số tiền vay 2.950.000.000 đồng tôi là người nhận và tôi là người đóng lãi cho ngân hàng. Sở dĩ, tôi là người nhận tiền từ Ngân hàng vì tôi chuyển nhượng nhà và đất này cho ông T2 nên ông T2 phải có trách nhiệm trả tiền cho ngân hàng. Trong trường hợp ông T2 chuyển nhượng lại nhà và đất cho tôi thì tôi đồng ý trả tiền cho Ngân hàng. Nếu ông T2 không chịu chuyển nhượng lại thì ông T2 phải trả tiền cho ngân hàng. Việc bà L và ông T3 trình bày là không có cơ sở. Vì tại thời điểm đó tôi là người mua nhà và đất này cho ba mẹ và các em tôi ở.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP C1 đối với ông Lê Trần Anh T2.

Xử:

1. Buộc ông Lê Trần Anh T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên với số tiền tính đến hết ngày 15/05/2024 là: 3.297.866.709 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.568.700.000 đồng. Nợ lãi: 710.765.907 đồng. Lãi quá hạn: 18.400.802 đồng.

Ông Lê Trần Anh T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 16/05/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Lê Trần Anh T2 không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng nói trên thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 26 tại Lô E đường N, Phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Anh T2 được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584675 (Số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CTs 58653) do Sở T7 cấp ngày 10/02/2015 được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C1.

Nếu ông Lê Trần Anh T2 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP C1 phải hoàn trả lại cho ông Lê Trần Anh T2 01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 584675 số vào sổ cấp GCN: CTs58653 do Sở T7 cấp ngày 10/02/2015 theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.108.829 đồng (*Bốn mươi ba triệu một trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006522 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ngân hàng TMCP C1 đã nộp tạm ứng và chi xong. Buộc ông Lê Trần Anh T2 phải chịu và hoàn lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T3 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Văn T3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T3 khẳng định là ông chỉ kháng cáo với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông cho rằng nhà và đất tại Lô E đường N, Phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng là của ông Lê Văn T3 và bà Trần Thị L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên xử lý tài sản thế chấp nếu Lê Trần Anh T2 không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà nên ông T3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Trần Anh T2 phát biểu ý kiến cho rằng ông T3 chỉ kháng cáo với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng cũng cần xem xét toàn diện vụ án để đảm bảo quyền lợi của ông Lê Trần Anh T2.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T3, Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập họp lệ lần thứ hai ông Lê Trần Anh Đ; ông Lê Trần Anh K và bà Lê Trần Tuyết T4 đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng các đương sự trên vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T3 giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Lê Trần Anh T2 không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà nên ông T3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C1. Xét kháng cáo của ông Lê Văn T3 thì thấy:

[2] Tại phiên tòa ông Lê Trần Anh T2 hoàn toàn tinh táo và cho rằng tình hình sức khỏe của ông bình thường, trong phần trả lời câu hỏi ông T2 thừa nhận: *“có nợ tiền Ngân hàng thì phải trả”*. Hơn nữa Hợp đồng cho vay số 0108/2019-HĐCV/NHCT 486-LTAT ngày 08/08/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 với ông Lê Trần Anh T2 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Trần Anh T2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông Lê Trần Anh T2 phải trả số tiền nợ gốc 2.568.700.000 đồng; Nợ lãi: 710.765.907 đồng và L1 quá hạn tính đến hết ngày 15/05/2024 là 18.400.802 đồng, tổng cộng 3.297.866.709 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ đề nghị làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Trần Tuyết T4. Ngày 12/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ đã có Công văn số 969/CSĐT-HS(Đ3) trả lời không có dấu hiệu của tội phạm hình sự, do vậy số tiền Ngân hàng chuyển cho bà T4 là do sự thỏa thuận của ông Lê Trần Anh T2 và bà Lê Trần Tuyết T4, nếu sau này tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Theo ông Lê Văn T3 trình bày thì nhà và đất tại Lô E đường N, Phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng là của ông Lê Văn T3 và bà Trần Thị L, sau khi cho con gái Lê Trần Tuyết T4 mượn ngôi nhà và đất nói trên để làm ăn thì vợ chồng ông đã sang tên cho Lê

Trần Tuyết T4. Đến năm 2019 không hiểu lý do gì Lê Trần Tuyết T4 tự ý sang tên sổ hồng cho con trai là Lê Trần Anh T2 để làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông T3 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình mà theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 13/06/2018, bà Lê Trần Tuyết T4 nhận chuyển nhượng tài sản từ bà Hồ Thị C, đến ngày 07/08/2019 chuyển nhượng sang ông Lê Trần Anh T2. Thủ tục chuyển nhượng đúng theo quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về việc này. Do vậy HĐXX không chấp nhận lời trình bày của ông T3 mà thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Lê Trần Anh T2 không trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa những người hiện đang sinh sống trên nhà đất này vào tham gia với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không buộc những người này ra khỏi nhà để đảm bảo việc thi hành án trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp là thiếu sót, do vậy Tòa án cấp phúc thẩm sẽ khắc phục nội dung này để đảm bảo thi hành án.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T3 và cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng như lời trình bày của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1 được chấp nhận nên bị đơn là ông Lê Trần Anh T2 phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuy nhiên, ngày 14/5/2024, đại diện hợp pháp của ông T2 là ông Lê Văn T3 có đơn xin miễn án phí cho ông T2. Theo báo cáo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 967/BC-UBND ngày 24/6/2023 của UBND phường N thì trường hợp ông Lê Trần Anh T2 sinh năm: 1981 có hộ khẩu thường trú tại tổ A phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng hiện là đối tượng hưởng trợ cấp xã hội dạng khuyết tật thần kinh, tâm thần theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định 19/2008/QĐ-UBND ngày 17/3/2008 của UBND thành phố Đ về chính sách trợ giúp các đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T2 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Văn T3 phải chịu là 300.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng ông Lê Trần Anh T2 phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP C1 đã nộp tạm ứng và chi xong nên buộc ông Lê Trần Anh T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và Điều khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T3. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP C1 đối với ông Lê Trần Anh T2.

1. Buộc ông Lê Trần Anh T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên với số tiền tính đến hết ngày 15/05/2024 là: 3.297.866.709 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.568.700.000 đồng. Nợ lãi: 710.765.907 đồng. Lãi quá hạn: 18.400.802 đồng.

Ông Lê Trần Anh T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 16/05/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Lê Trần Anh T2 không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng nói trên thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 26 tại Lô E đường N, phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng đứng tên Lê Trần Anh T2 được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584675 (Số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CTs 58653) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố T7 cấp ngày 10/02/2015 được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C1.

Buộc ông Lê Văn T3, bà Trần Thị L, ông Lê Trần A1 Đ và ông Lê Trần Anh K có nghĩa vụ ra khỏi nhà và đất tại Lô E đường N, Phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự.

Nếu ông Lê Trần Anh T2 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP C1 phải hoàn trả lại cho ông Lê Trần Anh T2 01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 584675 số vào sổ cấp GCN: CTs58653 do Sở T7 cấp ngày 10/02/2015 theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Trần Anh T2.

Ngân hàng TMCP C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.108.829 đồng (*Bốn mươi ba triệu một trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006522 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm ông Lê Văn T3 phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002634 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng ông Lê Trần Anh T2 phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP C1 đã nộp tạm ứng và chi xong nên buộc ông Lê Trần Anh T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền 4.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng